ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN KHU VỰC NAM BỘ
**ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN TỈNH AN GIANG**

số: AGIA_TVHN_20241129_1100
Ngày: 29/11/2024

# BẢN TIN DỰ BÁO THUỶ VĂN HẠN NGẮN CÁC SÔNG, KÊNH, RẠCH TỈNH AN GIANG

## *1. Diễn biến xu thế mực nước:*

- Đầu nguồn sông Cửu Long và vùng hạ lưu sông : Mực nước cao nhất ngày tại các trạm lên trở lại theo kỳ triều đầu tháng 11 (Âm Lịch); mực nước thấp nhất ngày xuống xuống chậm.
- Nội đồng TGLX: Mực nước trên các kênh, rạch trong khu vực biến đổi chậm trong những ngày tới.

## *2. Bảng số liệu dự báo từ ngày 29/11 đến 03/12/2024*

| STT | Trạm | sông, kênh, rạch | Cấp báo động (m) | | | Đặc trưng | Mực nước thực đo (m) | | | Mực nước dự báo (m) | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | BĐ I | BĐ II | BĐ III | | 28/11 | So với cùng kỳ 2023 | So với TBNN | 29/11 | 30/11 | 01/12 | 02/12 | 03/12 |
| 1 | Tân Châu | Tiền | 3.50 | 4.00 | 4.50 | Max | 1.81 | -0.28 | -0.50 | 1.75 | 1.78 | 1.83 | 1.89 | 1.95 |
| | | | | | | Min | 0.90 | -0.07 | -1.01 | 0.82 | 0.74 | 0.68 | 0.62 | 0.57 |
| 2 | Chợ Mới | Ông Chưởng | 2.00 | 2.50 | 3.00 | Max | 1.82 | -0.19 | -0.02 | 1.76 | 1.80 | 1.86 | 1.93 | 1.99 |
| | | | | | | Min | 0.70 | 0.06 | -0.45 | 0.62 | 0.54 | 0.48 | 0.42 | 0.37 |
| 3 | Khánh An | Hậu | 4.20 | 4.70 | 5.20 | Max | 1.99 | -0.35 | -0.61 | 1.95 | 1.92 | 1.90 | 1.88 | 1.86 |
| | | | | | | Min | 1.56 | -0.39 | -0.86 | 1.48 | 1.51 | 1.45 | 1.42 | 1.38 |
| 4 | Châu Đốc | Hậu | 3.00 | 3.50 | 4.00 | Max | 1.95 | -0.27 | -0.20 | 1.89 | 1.92 | 1.97 | 2.03 | 2.09 |
| | | | | | | Min | 0.80 | -0.19 | -0.92 | 0.72 | 0.64 | 0.58 | 0.52 | 0.47 |
| 5 | Long Xuyên | Hậu | 1.90 | 2.20 | 2.50 | Max | 1.94 | -0.20 | 0.16 | 1.87 | 1.91 | 1.97 | 2.04 | 2.10 |
| | | | | | | Min | 0.62 | 0.07 | -0.16 | 0.54 | 0.46 | 0.40 | 0.34 | 0.29 |
| 6 | Vàm Nao | Vàm Nao | 2.50 | 2.90 | 3.30 | Max | 1.85 | -0.26 | -0.07 | 1.82 | 1.86 | 1.92 | 1.99 | 2.04 |
| | | | | | | Min | 0.71 | -0.03 | -0.58 | 0.63 | 0.55 | 0.49 | 0.43 | 0.38 |
| 7 | Xuân Tô | Vĩnh Tế | 3.00 | 3.50 | 4.00 | Max | 0.90 | -0.16 | -0.97 | 0.88 | 0.86 | 0.85 | 0.84 | 0.85 |
| | | | | | | Min | 0.69 | -0.29 | -1.18 | 0.64 | 0.61 | 0.58 | 0.55 | 0.53 |
| 8 | Vĩnh Gia | Vĩnh Tế | 2.00 | 2.40 | 2.80 | Max | 0.64 | 0.01 | -0.37 | 0.64 | 0.61 | 0.59 | 0.58 | 0.58 |
| | | | | | | Min | 0.57 | 0.03 | -0.35 | 0.62 | 0.58 | 0.55 | 0.54 | 0.53 |
| 9 | Tri Tôn | Tri Tôn | 2.00 | 2.40 | 2.80 | Max | 0.87 | -0.15 | -0.57 | 0.85 | 0.83 | 0.82 | 0.81 | 0.82 |
| | | | | | | Min | 0.65 | -0.18 | -0.71 | 0.62 | 0.59 | 0.56 | 0.53 | 0.51 |
| 10 | Cô Tô | Tri Tôn | 1.40 | 1.80 | 2.20 | Max | 0.95 | -0.15 | -0.16 | 0.93 | 0.91 | 0.90 | 0.89 | 0.91 |
| | | | | | | Min | 0.78 | -0.20 | -0.30 | 0.75 | 0.72 | 0.69 | 0.66 | 0.64 |
| 11 | Lò Gạch | Tám Ngàn | 1.70 | 2.10 | 2.50 | Max | 0.63 | 0.02 | -0.49 | 0.61 | 0.58 | 0.56 | 0.55 | 0.55 |
| | | | | | | Min | 0.52 | -0.03 | -0.54 | 0.49 | 0.46 | 0.43 | 0.40 | 0.50 |
| 12 | Vọng Thê | Ba Thê | 1.40 | 1.80 | 2.20 | Max | 1.13 | -0.10 | -0.07 | 1.10 | 1.08 | 1.07 | 1.06 | 1.08 |
| | | | | | | Min | 0.93 | -0.12 | -0.27 | 0.90 | 0.87 | 0.84 | 0.81 | 0.79 |
| 13 | Vĩnh Hanh | Núi Chóc Năng Gù | 1.90 | 2.30 | 2.70 | Max | 1.47 | -0.14 | -0.14 | 1.44 | 1.42 | 1.41 | 1.40 | 1.42 |
| | | | | | | Min | 0.99 | -0.20 | -0.45 | 0.96 | 0.93 | 0.90 | 0.87 | 0.85 |
| 14 | Núi Sập | Rạch Giá Long Xuyên | 1.40 | 1.80 | 2.20 | Max | 1.13 | -0.11 | -0.20 | 1.10 | 1.08 | 1.07 | 1.06 | 1.08 |
| | | | | | | Min | 0.86 | -0.10 | -0.39 | 0.83 | 0.80 | 0.77 | 0.74 | 0.72 |

## *3. Cảnh báo (nếu có):*

*Trên sông Hậu tại Long Xuyên, mực nước cao nhất ngày có khả năng ở mức trên BĐI đến dưới BĐII từ 0.05-0.10m.* ***Cấp độ rủi ro thiên tai do lũ, ngập lụt: Cấp 1.***

## *4. Ghi chú:*

*- Thông tin dự báo được đăng trên website:* http://kttv.angiang.gov.vn/du-bao-thuy-van

*Tin phát lúc 11h00 ngày 29/11/2024*

*Duyệt bản tin:* Lưu Văn Ninh

*Dự báo viên:* Phan Minh Đạt
Huỳnh Nguyễn Khánh Loan